

EFFECTIVENESS OF SELF-DIRECTED LEARNING ACTIVITIES FOR MEDICAL STUDENT IN CLINICAL SIMULATION ENVIRONMENT

Dang Le Minh Khang, Nguyen Dong Phuong Nhu,
Nguyen Do Dong Quan, Nguyen Vuong Kim Ngan, Bui Le Hai, Tran Hong Nguyen, Ho Ngoc Loi*

University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City - 217 Hong Bang, Ward 11, Dist 5, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received: 21/08/2024

Revised: 16/12/2024; Accepted: 25/12/2024

ABSTRACT

Objective: To assess the improvement in the competencies of medical students after participating in Self-Directed Learning (SDL) activities.

Method: A descriptive cross-sectional study was conducted on 224 second-year medical students who participated in SDL activities.

Results: The average results of the group participating in the sessions were significantly higher in 6 out of 9 skill stations compared to the group of students who did not participate in the sessions.

Conclusion: The initial results of SDL activities demonstrate effectiveness in outcome competencies in some skills. Scaling up the SDL model for other student cohorts to improve competency in required skills should be implemented and evaluated in future studies.

Keywords: Self-directed learning, clinical simulation, basic medical skills, basic clinical skills.

*Corresponding author

Email: hongocloi@ump.edu.vn **Phone:** (+84) 902924850 **Https://doi.org/10.52163/yhc.v66i1.1937**

HIỆU QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP TỰ ĐỊNH HƯỚNG CHO SINH VIÊN Y KHOA TRÊN MÔI TRƯỜNG MÔ PHÒNG LÂM SÀNG

Đặng Lê Minh Khang, Nguyễn Đông Phương Nhu,
Nguyễn Đỗ Đông Quân, Nguyễn Vương Kim Ngân, Bùi Lê Hải, Trần Hồng Nguyên, Hồ Ngọc Lợi*

Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh - 217 Hồng Bàng, P. 11, Q. 5, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày nhận bài: 21/08/2024

Chỉnh sửa ngày: 16/12/2024; Ngày duyệt đăng: 25/12/2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá mức độ cải thiện năng lực của sinh viên sau khi tham gia các hoạt động học tập tự định hướng (HTTĐH).

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang mô tả tiến hành trên 224 lượt sinh viên Y khoa năm thứ hai tham gia hoạt động HTTĐH.

Kết quả: Kết quả trung bình của nhóm tham gia buổi học cao hơn có ý nghĩa thống kê ở 6 trên 9 trạm kỹ năng so với nhóm sinh viên không tham gia buổi học.

Kết luận: Hoạt động HTTĐH bước đầu cho thấy hiệu quả về năng lực đầu ra ở một số kỹ năng. Việc nhân rộng mô hình HTTĐH cho các đối tượng sinh viên khác để cải thiện năng lực về kỹ năng cần được thực hiện và đánh giá trong tương lai.

Từ khóa: Học tập tự định hướng, mô phỏng lâm sàng, kỹ năng y khoa cơ bản, kỹ năng lâm sàng cơ bản.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu thế phát triển của giáo dục, Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển đổi phương thức đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Trong đào tạo theo học chế tín chỉ, giảng viên chỉ lên lớp 50%, thời gian còn lại cho các hoạt động độc lập của sinh viên (như seminar, tự học, học nhóm). Đa số các sinh viên hiện nay chỉ tổ chức các buổi tự học cá nhân. Nghiên cứu của Thủy và cộng sự tại Đại học Y – Dược Thái Nguyên cho thấy chỉ có 36% sinh viên được khảo sát tổ chức tự học theo hình thức học nhóm và chỉ có 15% sinh viên tham gia tự học dưới hình thức câu lạc bộ học thuật [1]. Nguyên nhân được cho là một số sinh viên còn quen với cách học thụ động ở phổ thông nên chưa có động cơ học tập đúng đắn cũng như phương pháp, kỹ năng tự học; giảng viên chỉ quan tâm đến truyền đạt kiến thức mà chưa quan tâm đến việc định hướng, tổ chức cho sinh viên tự khám phá ra những quy luật, thuộc tính mới của các vấn đề khoa học; sinh viên còn thấy thiếu thời gian để tiến hành hoạt động tự học. Học tập tự định hướng (HTTĐH) hay nói cách khác là tự học có định hướng là một hoạt động hiệu quả, khuyến khích sinh viên chủ động trong học tập [2-4]. Phát triển hoạt động học tập tự định hướng được xem là một trong những bước tiếp cận phù hợp, xu hướng trong đào tạo Y khoa. Trong chương trình giáo dục y khoa đổi mới từ

năm 2016 của Đại học Y Dược TP. HCM hoạt động học tập tự định hướng đã và đang được sinh viên Y khoa thực hiện rộng rãi dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Các buổi học tự định hướng cũng được các sinh viên phổ biến rộng rãi nhằm chuẩn bị cho các kì thi mô phỏng lâm sàng bằng hình thức chạy trạm (OSCE) tại trung tâm mô phỏng [5-7]. Nghiên cứu cứu này nhằm mục đích trả lời được câu hỏi nghiên cứu: Sinh viên tham gia các buổi HTTĐH bằng hình thức chạy trạm có cải thiện được năng lực đầu ra so với các sinh viên khác không?

Mục tiêu nghiên cứu:

1. Khảo sát mức độ tự tin của sinh viên sau khi tham gia các hoạt động học tập tự định hướng.
2. Đánh giá mức độ cải thiện năng lực đầu ra của sinh viên sau khi tham gia các hoạt động học tập tự định hướng.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu đoàn hệ tiến cứu

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

*Tác giả liên hệ

Email: hongocloi@ump.edu.vn Điện thoại: (+84) 902924850 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66i1.1937>

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 11/2022 đến tháng 05/2023 tại Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Nghiên cứu được chia ra 2 giai đoạn. Giai đoạn 1, nhóm nghiên cứu khảo sát và đánh giá sinh viên sau khi tham gia hoạt động học tập tự định hướng về Kỹ năng Y khoa cơ bản, bao gồm các kỹ năng: điều dưỡng, đo huyết áp, sơ cứu chấn thương, hồi sức cấp cứu cơ bản. Giai đoạn 2, nhóm nghiên cứu khảo sát và đánh giá sinh viên sau khi tham gia hoạt động học tập tự định hướng về Kỹ năng Lâm sàng cơ bản, bao gồm: hỏi bệnh sử, khám tổng quát, khám tim, khám phổi, khám bụng.

Thời gian nghiên cứu giai đoạn 1 từ tháng 11/2022 đến tháng 12/2022. Nghiên cứu giai đoạn 2 được thực hiện từ tháng 04/2023 đến tháng 05/2023.

2.3. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Y khoa năm thứ hai đang học niên khóa 2022-2023 tại khoa Y, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh.

Trong từng giai đoạn, nhóm nghiên cứu chia dân số thành 2 nhóm: nhóm sinh viên tham gia hoạt động học tập tự định hướng (nhóm can thiệp) và nhóm sinh viên không tham gia hoạt động học tập tự định hướng (nhóm chứng). Nhóm sinh viên hoạt động học tập tự định hướng được tham gia chương trình trải nghiệm mô phỏng OSCE, sau khi được giảng dạy nội dung tại Trung tâm Huấn luyện nâng cao mô phỏng lâm sàng (ATCS), khoa Y, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Nhóm sinh viên không tham gia hoạt động học tập tự định hướng là nhóm không tham gia chương trình trải nghiệm mô phỏng OSCE, sau khi được giảng dạy nội dung trên trung tâm ATCS, nhóm sinh viên này sẽ được thông báo để có cơ hội trải nghiệm lại chương trình vào năm học tiếp theo 2023-2024.

2.4. Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu toàn bộ. Toàn bộ sinh viên đăng ký tham gia trải nghiệm mô phỏng OSCE sẽ vào nhóm can thiệp, nhóm còn lại không tham gia trải nghiệm sẽ là nhóm chứng.

2.5. Biến số nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng các biến số sau đây:

- Biến độc lập:

Sinh viên có hay không có tham gia buổi tự học có định hướng.

- Biến phụ thuộc:

+ Điểm thi: Được đánh giá trên thang điểm 10 của hệ thống giáo dục Việt Nam.

Cả hai nhóm đều tham gia kỳ thi cuối khóa được thiết kế thống nhất để đánh giá năng lực các kỹ năng lâm sàng cần thiết. Kỳ thi gồm các trạm OSCE được chuẩn hóa, áp dụng cho tất cả sinh viên, đảm bảo đồng nhất về nội dung thi, hình thức thi, thời gian tại mỗi trạm, và điều kiện cơ sở vật chất. Người đánh giá được đào tạo trước về quy trình đánh giá OSCE, không biết sinh viên thuộc

nhóm nào và sử dụng bảng kiểm chuẩn hóa áp dụng cho mọi sinh viên, bao gồm các tiêu chí cụ thể, có trọng số rõ ràng được thống nhất trước.

2.6. Kỹ thuật, công cụ thu thập số liệu

Bước 1: Thu thập thông tin, số liệu đối tượng nghiên cứu.

Bước 2: Kiểm tra tính đầy đủ, mã hóa số liệu đã thu thập

Bước 3: Nhập liệu, tiến hành phân tích số liệu và đưa ra kết luận

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

Tất cả dữ liệu sẽ được nhập, làm sạch và phân tích bằng phần mềm SPSS 18.0.

Thống kê mô tả: tần số và tỷ lệ phần trăm của các biến số định tính. Đối với biến số định lượng có phân phối bình thường: báo cáo trung bình và độ lệch chuẩn, phân phối không bình thường: báo cáo trung vị và khoảng tứ phân vị.

2.8 Đạo đức nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu được giải thích về nội dung nghiên cứu, mời tham gia và đồng thuận tham gia nghiên cứu. Số liệu thu thập được nhập và xử lý là khách quan, trung thực. Nhóm sinh viên không tham gia hoạt động học tập tự định hướng sẽ được thông báo để có cơ hội trải nghiệm lại chương trình vào năm học tiếp theo 2023-2024.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong quá trình thu thập dữ liệu tại Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, thực tế ghi nhận được sau 2 giai đoạn với mẫu lần lượt là 117 và 107 trong thời gian nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm của nhóm sinh viên tham gia hoạt động HTTĐH

Giai đoạn 1			Giai đoạn 2		
Giới tính	Tần số (n=117)	Tỷ lệ (%)	Giới tính	Tần số (n=107)	Tỷ lệ (%)
Nam	71	60,68	Nam	62	57,94
Nữ	46	39,32	Nữ	45	42,06

Có 224 sinh viên tham gia nghiên cứu (Bảng 1). Trong đó, tỷ lệ nữ của giai đoạn 1 và 2 lần lượt là 39,32% và 42,06%.

Bảng 2. Tỷ lệ phần trăm (%) sinh viên đồng ý với các tiêu chí được đưa ra trong giai đoạn 1

Đánh giá chung n, (%)	Kỹ năng ĐĐ n, (%)	Kỹ năng Đo HA n, (%)	Kỹ năng SCSCT n, (%)	Kỹ năng HSC-CCB n, (%)
Sinh viên Y2 tự tin hơn sau khi chạy trạm OSCE ở các trạm kỹ năng được thực hiện.				
105 (89,74)	101 (86,32)	103 (88,03)	104 (88,89)	106 (90,60)
Sinh viên mong muốn sẽ có thêm cơ hội thực hành kỹ năng để nâng cao năng lực chăm sóc người bệnh.				
111 (94,87)	111 (94,87)	108 (88,52)	109 (93,16)	111 (94,87)

Trong giai đoạn đầu của nghiên cứu ở các kỹ năng y khoa cơ bản, phần lớn sinh viên (trên 85%) đều đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ tự tin hơn sau khi tham gia buổi HTTĐH (Bảng 2). Con số này nhỏ nhất ở kỹ năng điều dưỡng (101 trên 117 sinh viên). 111 trong số 117 sinh viên được hỏi cũng đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ mong muốn có thêm cơ hội thực hành kỹ năng để nâng cao năng lực chăm sóc người bệnh.

Bảng 3. Tỷ lệ phần trăm (%) sinh viên đồng ý với các tiêu chí được đưa ra trong giai đoạn 2

Đánh giá chung n, (%)	Kỹ năng hỏi bệnh sử n, (%)	Kỹ năng khám tổng quát n, (%)	Kỹ năng khám tim n, (%)	Kỹ năng khám phổi n, (%)	Kỹ năng khám bụng n, (%)
Sinh viên Y2 tự tin hơn sau khi chạy trạm OSCE ở trạm kỹ năng được thực hiện.					
96 (89,72)	94 (87,85)	95 (88,79)	97 (90,65)	97 (90,65)	98 (91,59)
Sinh viên mong muốn sẽ có thêm cơ hội thực hành hỏi bệnh và khám lâm sàng để nâng cao năng lực thực hành lâm sàng.					
93 (86,92)	92 (85,98)	92 (85,98)	94 (87,85)	94 (87,85)	91 (85,05)

Trong giai đoạn 2 của nghiên cứu ở các kỹ năng lâm sàng cơ bản (bao gồm hỏi bệnh sử và thăm khám các cơ quan), phần lớn sinh viên (trên 85%) đều đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ tự tin hơn sau khi tham gia buổi HTTĐH (Bảng 3). Con số này lớn nhất ở kỹ năng khám bụng (98 trong số 107 sinh viên). 94 trong số 107 sinh viên được hỏi cũng đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng họ mong muốn có thêm cơ hội thực hành kỹ năng để nâng cao năng lực chăm sóc người bệnh. Ở kỹ năng khám bụng, con số này nhỏ hơn so với ở các trạm kỹ năng khác (85,05%).

Bảng 4. Điểm thi cuối khóa module Kỹ năng Y khoa cơ bản của nhóm sinh viên tham gia buổi HTTĐH so với nhóm sinh viên không tham gia

Kỹ năng	Nhóm sinh viên tham gia buổi học (n=117) ĐTB±ĐLC	Nhóm không tham gia buổi học (n=289) ĐTB±ĐLC	p
Điều dưỡng	6,87 ± 0,10	6,62 ± 0,10	0,17
Đo huyết áp	8,07 ± 0,16	7,59 ± 0,13	0,03*
Sơ cứu chấn thương	7,28 ± 0,20	7,09 ± 0,11	0,35
Hồi sức cấp cứu cơ bản	7,90 ± 0,13	7,54 ± 0,10	0,04*

Điểm thi trung bình của nhóm sinh viên tham gia buổi học tự định hướng bằng hình thức OSCE cao hơn nhóm không tham gia buổi học ở tất cả các kỹ năng (Bảng 4). Ở kỹ năng đo huyết áp, kết quả của nhóm sinh viên tham gia là 8,07 ± 0,16 so với 7,59 ± 0,13 ở nhóm không tham gia. Tương tự, ở kỹ năng HSCCCB là 7,90 ± 0,13 ở nhóm sinh viên tham gia so với 7,54 ± 0,10 ở nhóm sinh viên không tham gia. Kết quả thi của nhóm sinh viên tham gia buổi HTTĐH ở hai kỹ năng này là cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm không tham gia (p<0,05). Ở hai kỹ năng còn lại, mặc dù điểm thi của nhóm sinh viên có tham gia cao hơn so với không tham gia, tuy nhiên sự khác biệt là không có ý nghĩa thống kê.

Bảng 5. Điểm thi cuối khóa module Thực hành Kỹ năng lâm sàng cơ bản của nhóm sinh viên tham gia buổi HTTĐH so với nhóm sinh viên không tham gia

Kỹ năng	Nhóm sinh viên tham gia buổi học (n=107) ĐTB±ĐLC	Nhóm không tham gia buổi học (n=289) ĐTB±ĐLC	p
Hỏi bệnh sử	7,60 ± 0,17	6,91 ± 0,11	0,01*
Khám Tổng quát	7,08 ± 0,21	6,50 ± 0,12	0,01*
Khám tim	8,99 ± 0,11	8,43 ± 0,09	0,02*
Khám phổi	8,65 ± 0,14	8,16 ± 0,09	0,01*
Khám bụng	8,16 ± 0,21	7,73 ± 0,11	0,06

Ở hầu hết các kỹ năng hỏi bệnh và thăm khám, ngoại trừ kỹ năng khám bụng, nhóm sinh viên tham gia buổi HTTĐH có điểm số trong bài thi cuối khóa cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm sinh viên không tham gia (p<0,05). Kết quả này được thể hiện ở Bảng 5. Ở kỹ năng khám bụng, mặc dù điểm trung bình của nhóm sinh viên có tham gia cao hơn, tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê (p>0,05).

4. BÀN LUẬN

Sinh viên nữ tham gia nghiên cứu trong giai đoạn 1 và 2 lần lượt là 39,32% và 42,06%, phù hợp với tỷ lệ sinh viên nữ trong kết quả tuyển sinh đầu vào của khóa sinh viên năm thứ hai được khảo sát (37,44% là sinh viên nữ).

Trên 87% sinh viên được hỏi đều đồng ý rằng họ cảm thấy tự tin hơn sau buổi học tự định hướng bằng hình thức chạy trạm. Kết quả này, chúng tôi cho là, đến từ những phản hồi cụ thể, chi tiết của đội ngũ hỗ trợ, sự tương đồng của cơ sở vật chất được sử dụng so với vật dụng mô phỏng tại trung tâm mô phỏng. Kết quả này cũng phù hợp với kết quả câu hỏi được sử dụng tiếp theo. Trên 90% sinh viên được hỏi đồng ý rằng họ mong muốn có thêm cơ hội thực hành kỹ năng để nâng cao năng lực chăm sóc người bệnh. Điều này chứng tỏ những buổi học tự định hướng có thể giúp sinh viên nhận ra những lỗi kỹ năng của họ và mong muốn có nhiều cơ hội hơn để thực hành kỹ năng. So sánh với kết quả do Lý Văn Xuân và cộng sự (2018) thực hiện trên cùng dân số nghiên cứu, theo đó, những sinh viên có khả năng tự học và tổ chức tự học tốt có kết quả năng lực đầu ra Khá-Giỏi cao hơn từ 1,2 đến 1,7 lần so với sinh viên không có khả năng tự học hoặc tổ chức tự học [8]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, hiệu quả của hoạt động tự học qua mô hình HTTĐH được đánh giá trên môi trường mô phỏng. Kết quả cho thấy buổi học tự định hướng đã đem lại một số hiệu quả nhất định. Những sinh viên tham gia buổi học tự định hướng có cải thiện về năng lực đầu ra so với sinh viên không tham gia. Điều này được thể hiện qua kết quả thi trung bình nhóm có tham gia buổi học cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm không tham gia buổi học ở đa số các trạm kỹ năng trong cả hai giai đoạn của nghiên cứu.

Ở giai đoạn đầu của nghiên cứu, tham gia buổi học tự định hướng ở kỹ năng điều dưỡng cơ bản và kỹ năng sơ cứu chấn thương cơ bản không đem lại khác biệt có ý nghĩa thống kê so với những sinh viên không tham gia buổi học ($6,87 \pm 0,10$ so với $6,62 \pm 0,10$; và $7,28 \pm 0,20$ so với $7,09 \pm 0,11$). Hai nhóm kỹ năng này có nhiều mục tiêu kỹ năng cần đạt, tuy nhiên buổi học tự định hướng chỉ khái quát hóa cho mỗi sinh viên tham gia 01 nội dung kỹ năng trong số 07 mục tiêu kỹ năng ở trạm điều dưỡng và 06 mục tiêu kỹ năng ở trạm sơ cứu chấn thương. Nhóm sinh viên tham gia có kết quả trung bình cao hơn nhóm sinh viên không tham gia dù không có ý nghĩa thống kê, nhưng chứng tỏ việc tham gia buổi học tự định hướng là vẫn đem lại lợi ích nhất định, dù chưa đem đến khác biệt rõ ràng.

Ở trạm kỹ năng đo huyết áp, sinh viên tham gia buổi học tự định hướng có trung bình kết quả thi cuối khóa cao hơn so với sinh viên không tham gia ($8,07 \pm 0,16$ so với $7,59 \pm 0,13$). Điều này chứng tỏ việc tham gia buổi học tự định hướng là có hiệu quả với các kỹ năng có quy trình đơn giản, dễ nhớ, dễ thực hiện như kỹ năng đo huyết áp. Đồng thời, sinh viên tham gia buổi học tự định hướng cũng đã nhận được sự phản hồi chi tiết về

những lỗi có thể gặp phải trong khi thi, một trong số đó là “những lỗi sai về tư thế làm ảnh hưởng kết quả đo huyết áp theo quy trình được đồng thuận tại ESC2018”. Trung bình kết quả thi cuối khóa của sinh viên ở trạm kỹ năng HSCCCB cũng cao hơn có ý nghĩa thống kê ở sinh viên có tham gia buổi HTTĐH ($7,90 \pm 0,13$) so với không tham gia ($7,54 \pm 0,10$). Điều này là phù hợp vì trạm kỹ năng HSCCCB được trang bị các mô hình hồi sức tim phổi và các thiết bị đạt chuẩn từ TTMP, cùng với quy trình thực hiện cơ bản, đơn giản và dễ nhớ.

Sự khác biệt giữa kết quả năng lực đầu ra của nhóm tham gia và không tham gia buổi HTTĐH cũng được thể hiện ở giai đoạn 02 của nghiên cứu. Có 4/5 trạm kỹ năng cho thấy kết quả thi cuối khóa của nhóm sinh viên có tham gia là cao hơn. Điều này là hoàn toàn phù hợp với đội ngũ hỗ trợ được huấn luyện về kỹ năng cho và nhận phản hồi, cơ sở vật chất đầy đủ và quy trình thực hiện các kỹ năng là cơ bản, đơn giản và dễ nhớ. Tuy nhiên có sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ở kỹ năng khám bụng. Điều này có thể được giải thích do đây là trạm kỹ năng thứ 03 liên tiếp duy nhất ở cả hai giai đoạn nghiên cứu, nên tâm lý của sinh viên tham gia trong kỳ thi thực tế có thể đã bị ảnh hưởng bởi hai trạm thi liên trước, hoặc do xuất hiện một điểm quan trọng trong kỹ năng mà cả sinh viên dù có tham gia hay không tham gia đều mắc phải lỗi. Có thể nêu ra như “sinh viên quên việc yêu cầu bệnh nhân cần phải gập gối trước khi khám”. Tuy nhiên, nguyên nhân cụ thể vẫn chưa thể xác định được và cần thêm các nghiên cứu khác để chứng minh.

Từ so sánh hiệu quả dựa trên năng lực đầu ra của sinh viên tham gia buổi HTTĐH, chúng tôi đưa đến kết luận: việc tham gia buổi HTTĐH thật sự đem lại hiệu quả về năng lực đầu ra với các kỹ năng đơn giản và dễ nhớ. Hiệu quả trên các kỹ năng khó, phức tạp và nhiều chi tiết vẫn cần được tiếp tục làm rõ. Nghiên cứu của Mohammad H Murad và cộng sự (2010) chỉ chứng minh được mô hình HTTĐH có hiệu quả với học tập lý thuyết, và chưa chứng minh được tính hiệu quả với học tập kỹ năng [9]. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi cho thấy việc tham gia buổi HTTĐH đem lại hiệu quả cải thiện năng lực đầu ra với các kỹ năng đơn giản, dễ thực hiện.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu trên 224 sinh viên tham gia buổi HTTĐH hoạt động HTTĐH đem lại hiệu quả với các kỹ năng có quy trình ngắn và đơn giản. Đa số sinh viên tham gia mong muốn được tham gia nhiều hơn các hoạt động tương tự để nâng cao năng lực thực hành kỹ năng. Nghiên cứu có điểm mạnh là được thực hiện môi trường mô phỏng lâm sàng, có thể được sử dụng làm quy chiếu cho các nghiên cứu tương lai về phát triển học tập tự định hướng trên môi trường mô phỏng lâm sàng trong đào tạo y khoa. Nghiên cứu này cũng một phần giúp nâng cao năng lực đầu ra của sinh viên, góp phần nâng

cao tính an toàn của người bệnh. Do đó, chúng tôi khuyến nghị cần tăng cường hơn nữa các hoạt động cũng như các nghiên cứu tương tự trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thúy TTH. Hoạt động tự học của sinh viên năm thứ nhất trường đại học Y Dược Thái Nguyên trong phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Tạp chí KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ. 2013;112(12):247-50.
- [2] Fisher M, King J, Tague G. Development of a self-directed learning readiness scale for nursing education. Nurse Educ Today. 2001;21(7):516-25.
- [3] Knowle MS. Self-directed learning : a guide for learners and teachers. New York: Association Press; 1975. 135 p : forms p.
- [4] Abraham RR, Upadhy S, Ramnarayan K. Self-directed learning. Adv Physiol Educ. 2005;29(2):135-6.
- [5] Khan KZ, Ramachandran S, Gaunt K, Pushkar P. The Objective Structured Clinical Examination (OSCE): AMEE Guide No. 81. Part I: an historical and theoretical perspective. Med Teach. 2013;35(9):e1437-46.
- [6] Ross M, Carroll G, Knight J, Chamberlain M, Fothergill-Bourbonnais F, Linton J. Using the OSCE to measure clinical skills performance in nursing. J Adv Nurs. 1988;13(1):45-56.
- [7] Amin Z, Khoo HE. Basics in medical education. 2nd ed. Singapore ; London: World Scientific; 2009. xxiv, 348 p. : ill. p.
- [8] Lý Văn Xuân LKV. Khảo sát hoạt động tự học của sinh viên Y đa khoa năm thứ hai Đại học Y Dược TPHCM năm học 2016-2017. Đại học Y Dược Tp. Hồ Chí Minh; 2018.
- [9] Murad MH C-YF, Varkey P, Prokop LJ, Murad AL. The effectiveness of self-directed learning in health professions education: a systematic review. Med Educ. 2010 Nov;44(11):1057-68.